

ĐÁNH GIÁ QUY MÔ TÀI SẢN VÀ HIỆU QUẢ CỦA CÁC QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TẠI VIỆT NAM

● NGUYỄN NGỌC LINH

TÓM TẮT:

Với khung pháp lý ngày càng hoàn thiện về hướng dẫn thành lập, quản lý, vận hành các loại hình quỹ đầu tư (QĐT) khác nhau tại Việt Nam, số lượng QĐT đã không ngừng gia tăng trong hơn 20 năm vận hành và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam. Bài viết đánh giá quy mô tài sản và hiệu quả của các quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Từ khóa: quỹ đầu tư, quy mô tài sản, đầu tư chứng khoán, thị trường chứng khoán.

1. Đặt vấn đề

Hiệu quả là vấn đề được các nhà nghiên cứu kinh tế cũng như các nhà quản lý kinh doanh quan tâm hàng đầu. Hiệu quả theo cách duy nhất được hiểu là một chỉ tiêu chất lượng phản ánh mối quan hệ giữa kết quả thu được và chi phí bỏ ra. Nếu chi phí bỏ ra càng ít và kết quả mang lại càng nhiều, điều đó có ý nghĩa hiệu quả kinh tế càng cao và ngược lại.

Đối với các QĐT chứng khoán theo khoản 37 Điều 5 Luật Chứng khoán năm 2019 thì QĐT chứng khoán được hiểu: “là quỹ hình thành từ vốn góp của nhà đầu tư với mục đích thu lợi nhuận từ việc đầu tư vào chứng khoán hoặc vào các tài sản khác, kể cả bất động sản, trong đó nhà đầu tư không có quyền kiểm soát hằng ngày đối với việc ra quyết định đầu tư của quỹ”.

Thực chất hoạt động nghiệp vụ của QĐT là thực hiện chức năng về quản lý vốn tài sản thông qua việc đầu tư theo danh mục đầu tư hiệu quả nhất làm gia tăng giá trị của QĐT. Hiệu quả đầu tư của quỹ được phản ánh chủ yếu ở kết quả hoạt động đầu tư của quỹ.

2. Phân loại quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam

Về phân loại QĐT chứng khoán tại Việt Nam, tùy theo mô hình cấu trúc pháp lý hoặc theo đặc tính hoạt động (tính chất, mục tiêu hoạt động) của QĐT, mà QĐT tại Việt Nam có thể có những loại khác nhau. Cụ thể:

Theo cấu trúc pháp lý, hiện nay theo pháp luật Việt Nam, cụ thể theo khoản 1 Điều 99 Luật Chứng khoán năm 2019, QĐT chứng khoán chia làm 2 loại hình: (1) Quỹ đại chúng; (2) Quỹ thành viên. Theo đó:

- Quỹ đại chúng là thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng. Trong Quỹ đại chúng gồm có 2 loại:

+ Quỹ mở: quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng phải được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.

+ Quỹ đóng: quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.

- Quỹ thành viên là QĐT chứng khoán có số thành viên tham gia góp vốn từ 2 đến 99 thành viên

và chỉ bao gồm thành viên là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (Điều 11 Luật Chứng khoán năm 2019).

Theo tính chất và mục tiêu hoạt động, các loại QĐT chứng khoán được công nhận và hoạt động tại Việt Nam gồm có: Quỹ mở, Quỹ đóng, Quỹ hoán đổi danh mục (ETF- Exchange traded fund), QĐT bất động sản, Quỹ hưu trí tự nguyện. Trong đó:

+ *Quỹ hoán đổi danh mục (ETF)*: Theo quy định tại Khoản 42, Điều 4, Luật Chứng khoán năm 2019, Quỹ hoán đổi danh mục là quỹ mở được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục được niêm yết và giao dịch trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán niêm yết. Như vậy, mặc dù được công nhận là quỹ mở, song tương tự như quỹ đóng, các CCQ của quỹ ETF cũng được niêm yết và giao dịch trên thị trường thứ cấp tập trung (Sở Giao dịch chứng khoán).

+ *QĐT bất động sản*: Theo Luật Chứng khoán năm 2019, QĐT bất động sản là QĐT chứng khoán được đầu tư chủ yếu vào bất động sản và chứng khoán của tổ chức phát hành; là tổ chức kinh doanh bất động sản có doanh thu từ việc sở hữu và kinh doanh bất động sản tối thiểu là 65% tổng doanh thu tính trên báo cáo tài chính năm gần nhất.

+ *Quỹ hưu trí tự nguyện*: Theo Khoản 3, Điều 3, Nghị định số 88/2016/NĐ-CP về Chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, Quỹ hưu trí tự nguyện được định nghĩa: “Quỹ hưu trí là tên viết tắt của quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, là quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí, được hình thành từ sự đóng góp của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động”. Đồng thời, Nghị định cũng quy định chi tiết loại tài sản mà mô hình QĐT đặc thù này được phép đầu tư, trong đó, đặc biệt quy định “Tỷ trọng giá trị đầu tư trái phiếu Chính phủ (bao gồm cả khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ thông qua chứng chỉ QĐT chứng khoán) tối thiểu bằng 50% trong tổng giá trị tài sản quỹ hưu trí” (Khoản 4, Điều 20).

Về đặc điểm của QĐT chứng khoán, mặc dù mỗi loại hình QĐT khác nhau sẽ mang những đặc điểm mang tính chất điển hình, đặc thù liên quan tới nhóm khách hàng mục tiêu, định hướng chiến lược và hoạt động đầu tư của quỹ, song nhìn chung các QĐT chứng khoán tại Việt Nam có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, phần lớn vốn đầu tư của quỹ dùng vào việc đầu tư chứng khoán. Đặc điểm này xuất phát

từ chính mục đích của quỹ đó là thu lợi nhuận từ việc đầu tư chứng khoán. Bên cạnh đó, quỹ cũng có thể đầu tư vào các loại tài sản khác, bao gồm cả bất động sản.

Thứ hai, QĐT chứng khoán phải thuộc một công ty quản lý quỹ và có ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ sẽ thay thế nhà đầu tư quản lý và đầu tư dựa trên các cơ sở quy chế đã được thống nhất. Đồng thời, phía ngân hàng giám sát sẽ là cơ quan để đảm bảo công ty quản lý quỹ thực hiện đúng với mục tiêu đã đề ra của quỹ.

Thứ ba, tài sản của QĐT chứng khoán độc lập với tài sản của công ty quản lý quỹ và các quỹ khác do công ty này quản lý. Đặc điểm này là cần thiết để đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động của quỹ. Tránh trường hợp công ty quản lý quỹ lạm dụng tài sản của QĐT chứng khoán để thực hiện các mục đích không thuộc phạm vi của quỹ.

3. Đánh giá quy mô tài sản và hiệu quả của các quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam

Với tốc độ tăng trưởng về số lượng và quy mô tài sản của các QĐT trong 10 năm trở lại đây, nếu như năm 2011 mới chỉ có 23 QĐT, tính tới cuối năm 2021, hiện có 60 QĐT đang hoạt động tại Việt Nam (Bảng 1).

Nếu như giai đoạn những năm 2000 - 2010, quy mô tài sản mà các QĐT tại Việt Nam quản lý chỉ vào khoảng vài chục tỷ đồng (với dưới 500 tỷ đồng), thì hiện nay quy mô tài sản ủy thác của các QĐT quản lý đã tăng trưởng đáng kể, gấp nhiều lần so với trước.

Theo số liệu thống kê cập nhật tới nửa đầu năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam có 16 QĐT có quy mô tài sản quản lý trên 1.000 tỷ đồng, đặc biệt trong đó có 5 quỹ có quy mô tài sản trên 10.000 tỷ đồng (Bảng 2).

Sự tăng trưởng về quy mô tài sản do các QĐT quản lý không chỉ thể hiện sự tăng trưởng và phát triển của mô hình QĐT tại Việt Nam, mà còn thể hiện sự quan tâm và tin tưởng của công chúng đầu tư đối với mô hình QĐT tại Việt Nam.

Tuy nhiên, QĐT có quy mô tài sản quản lý lớn không tỷ lệ thuận với hiệu quả hoạt động của Quỹ (Bảng 3). Phần lớn các QĐT trái phiếu có tỷ suất sinh lời bình quân tương đối bấp bênh tỷ suất sinh lời của các QĐT cổ phiếu. Điều này đòi hỏi cần xem xét kỹ lưỡng hơn chiến lược phân bổ tài sản của các QĐT.

Trong suốt quá trình hoạt động, QĐT với vai trò

Bảng 1. Danh sách quỹ đầu tư chứng khoán đang hoạt động

STT	TÊN QUỸ	LOẠI QUỸ	VỐN ĐIỀU LỆ (ĐỒNG)
1	Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	Quỹ ETF	102,000,000,000
2	Quỹ ETF DCVFMVN30	Quỹ ETF	56,581,812,800
3	Quỹ ETF IPAAM VN100	Quỹ ETF	52,000,000,000
4	Quỹ ETF MAFM VN30	Quỹ ETF	115,000,000,000
5	Quỹ ETF SSIAM VN30	Quỹ ETF	56,000,000,000
6	Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD	Quỹ ETF	262,000,000,000
7	Quỹ ETF SSIAM VNX50	Quỹ ETF	101,000,000,000
8	Quỹ ETF VinaCapital VN100	Quỹ ETF	53,000,000,000
9	QĐT Chủ động VND	Quỹ mở	56,596,500,000
10	QĐT Chứng khoán năng động DC	Quỹ mở	1,000,000,000,000
11	QĐT Cân bằng Bản Việt	Quỹ mở	54,314,089,552
12	QĐT Cân bằng Chiến lược - VCBF	Quỹ mở	60,426,610,500
13	QĐT Cân bằng Manulife	Quỹ mở	76,779,869,600
14	QĐT Cân bằng Tuệ sáng VinaCapital	Quỹ mở	80,561,357,000
15	QĐT Cổ phiếu Hàng đầu VCBF	Quỹ mở	59,164,003,100
16	QĐT Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaWealth	Quỹ mở	57,132,321,000
17	QĐT Cổ phiếu Manulife	Quỹ mở	65,113,385,900
18	QĐT Cổ phiếu Năng động Bảo Việt	Quỹ mở	71,247,586,800
19	QĐT Cổ phiếu Techcom	Quỹ mở	60,670,000,000
20	QĐT Cổ phiếu Tiếp cận Thị trường Việt Nam	Quỹ mở	59,216,200,000
21	QĐT Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt	Quỹ mở	85,288,000,000
22	QĐT Cổ phiếu Tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam	Quỹ ETF	452,087,426,000
23	QĐT Cổ phiếu Việt Nam chọn lọc	Quỹ mở	70,798,450,000
24	QĐT Doanh nghiệp hàng đầu DC	Quỹ mở	806,460,000,000
25	QĐT Giá trị MB Capital	Quỹ mở	54,423,600,000
26	QĐT Lợi thế Cạnh tranh Bền vững SSI	Quỹ mở	111,922,428,800
27	QĐT Năng động Eastspring Investments	Quỹ mở	53,203,406,730
28	QĐT Trái phiếu An Bình	Quỹ mở	53,470,100,000
29	QĐT Trái phiếu an toàn Amber	Quỹ mở	50,633,910,000
30	QĐT Trái phiếu Bảo Thịnh Vina Wealth	Quỹ mở	53,810,960,100
31	QĐT Trái phiếu Bảo Việt	Quỹ mở	76,856,000,000
32	QĐT Trái phiếu DC	Quỹ mở	99,574,822,600
33	QĐT Trái phiếu DFVN	Quỹ mở	60,173,500,000
34	QĐT Trái phiếu gia tăng thu nhập cố định DC	Quỹ mở	56,697,400,000
35	QĐT Trái phiếu linh hoạt Techcom	Quỹ mở	50,000,000,000
36	QĐT Trái phiếu MB	Quỹ mở	64,178,972,500

STT	TÊN QUỸ	LOẠI QUỸ	VỐN ĐIỀU LỆ (ĐỒNG)
37	QĐT Trái phiếu mở rộng Chubb	Quỹ mở	60,934,000,000
38	QĐT Trái phiếu PVcom	Quỹ mở	50,100,000,000
39	QĐT Trái phiếu SSI	Quỹ mở	68,069,000,000
40	QĐT Trái phiếu Techcom	Quỹ mở	60,653,750,000
41	QĐT Trái phiếu thanh khoản VinaCapital	Quỹ mở	50,307,500,000
42	QĐT Trái phiếu VCBF	Quỹ mở	56,581,812,800
43	QĐT Trái phiếu VND	Quỹ mở	50,335,000,000
44	QĐT Tăng trưởng DFVN	Quỹ mở	75,121,600,000
45	Quỹ Đầu tư giá trị Việt Nam	Quỹ TV	50.000.000.000
46	QĐT Bất động sản Techcom Việt Nam	Quỹ đóng	50.000.000.000
47	QĐT Công nghệ số Việt Nam	Quỹ TV	50.000.000.000
48	QĐT Cơ hội PVI	Quỹ TV	1.000.000.000.000
49	QĐT FPT Capital	Quỹ TV	50.000.000.000
50	QĐT Giá trị Bảo Việt	Quỹ TV	.000.000.000.000
51	QĐT Hạ tầng PVI	Quỹ TV	.500.000.000.000
52	QĐT Japan Asia MB Capital	Quỹ TV	200.000.000.000
53	QĐT Khám phá giá trị Ngân hàng Công Thương Việt Nam	Quỹ TV	100.000.000.000
54	QĐT Năng lượng và Hạ tầng An Bình	Quỹ TV	3.630.900.000.000
55	QĐT Phát triển Hàng Thông	Quỹ TV	50.000.000.000
56	QĐT Thành viên SSI	Quỹ TV	343.000.000.000
57	QĐT Tài chính AFM	Quỹ TV	50.000.000.000
58	QĐT Tài chính MKDS	Quỹ TV	50.000.000.000
59	QĐT Tăng trưởng Thiên Việt 2	Quỹ đóng	170.000.000.000
60	QĐT Tăng trưởng Thiên Việt 3	Quỹ đóng	199.008.000.000

Nguồn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (2022)

Bảng 2. Top các quỹ đầu tư có quy mô tài sản quản lý lớn nhất tại Việt Nam

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Tên quỹ	Chiến lược đầu tư	Loại quỹ	Tổng giá trị tài sản ròng
1	Vietnam Enterprise Investments Limited	Quỹ cổ phiếu	Quỹ đóng	47,677.62
2	VinaCapital Vietnam Opportunity Fund Ltd.	Quỹ cổ phiếu	Quỹ đóng	29,183.50
3	QĐT Trái phiếu Techcom	Quỹ trái phiếu	Quỹ mở	18,825.72
4	Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	Quỹ cổ phiếu	Quỹ ETF	18,782.04
5	PYN Elite Fund (Non-UCITS)	Quỹ cổ phiếu	Quỹ mở	17,825.29
6	Quỹ ETF DCVFMVN30	Quỹ cổ phiếu	Quỹ ETF	7,703.51
7	QĐT Cổ phiếu Việt Nam	Quỹ cổ phiếu	Quỹ mở	4,448.76
8	Vietnam Holding Ltd	Quỹ cân bằng	Quỹ đóng	3,015.85

STT	Tên quỹ	Chiến lược đầu tư	Loại quỹ	Tổng giá trị tài sản ròng
9	Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD	Quỹ cổ phiếu	Quỹ ETF	2,807.82
10	QĐT Tăng trưởng MB Capital	Quỹ cổ phiếu	Quỹ mở	2,045.23
11	QĐT Chứng khoán Việt Nam	Quỹ cân bằng	Quỹ mở	1,561.68
12	QĐT Trái phiếu SSI	Quỹ trái phiếu	Quỹ mở	1,494.04
13	PXP Vietnam Emerging Equity Fund	Quỹ cổ phiếu	Quỹ mở	1,417.65
14	QĐT Giá trị Bảo Việt	Quỹ cân bằng	Quỹ đóng	1,262.65
15	QĐT Cổ phiếu Tiếp cận Thị trường Việt Nam	Quỹ cổ phiếu	Quỹ mở	1,214.69
16	QĐT Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaWealth	Quỹ cổ phiếu	Quỹ mở	1,076.04

Nguồn: FiinPro (2022)

Bảng 3. Top các quỹ đầu tư có tỷ suất sinh lời bình quân 1 năm và 3 năm tốt nhất tại Việt Nam

Tên quỹ	Chiến lược đầu tư	Tỷ suất sinh lời bình quân	
		1 Năm	3 năm
QĐT Cổ phiếu Tiếp cận thị trường Việt Nam	Quỹ cổ phiếu	8.85%	99.32%
QĐT Trái phiếu Bảo Thịnh Vinawealth	Quỹ trái phiếu	7.81%	21.60%
QĐT Trái phiếu VND	Quỹ trái phiếu	7.07%	19.73%
QĐT Trái phiếu Việt Nam	Quỹ trái phiếu	6.89%	23.33%
Quỹ ETF DCFMVN DIAMOND	Quỹ cổ phiếu	6.81%	0.00%
QĐT Trái phiếu Techcom	Quỹ trái phiếu	6.52%	22.11%
QĐT Cổ phiếu Hưng Thịnh VinaWealth	Quỹ cổ phiếu	6.31%	68.36%
QĐT Định hướng Bảo toàn vốn Việt Nam	Quỹ cân bằng	6.21%	-1.96%
QĐT Cân bằng Tuệ Sáng VinaCapital	Quỹ cân bằng	6.20%	50.21%
QĐT Trái phiếu SSI	Quỹ trái phiếu	5.97%	16.66%
QĐT Trái phiếu Linh hoạt Techcom	Quỹ trái phiếu	5.81%	17.65%
QĐT Trái phiếu VCBF	Quỹ trái phiếu	5.80%	0.00%
QĐT Tăng trưởng MB Capital	Quỹ cổ phiếu	5.32%	18.09%
QĐT Trái phiếu Bảo Việt	Quỹ trái phiếu	3.65%	20.56%
QĐT Trái phiếu mở rộng Chubb	Quỹ trái phiếu	3.43%	13.39%
QĐT Cân bằng Chiến lược VCBF	Quỹ cân bằng	1.67%	29.31%
QĐT Trái phiếu Ngân hàng Công Thương	Quỹ trái phiếu	0.88%	3.42%
VinaCapital Vietnam Opportunity Fund Ltd.	Quỹ cổ phiếu	0.04%	53.34%
QĐT Cổ phiếu Hàng đầu VCBF	Quỹ cổ phiếu	0.02%	48.84%

Nguồn: FiinPro (2022)

là nhà đầu tư có tổ chức, nhà đầu tư có quan điểm và định hướng đầu tư chiến lược trong dài hạn trên thị trường, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đã thể hiện được sự linh hoạt của mình trong việc

điều hành, quản lý hoạt động đầu tư của QĐT.

Đối với các quỹ cổ phiếu, với đặc tính rủi ro tương đối cao hơn so với các quỹ trái phiếu và quỹ cân bằng và phần lớn tài sản của QĐT đầu tư vào

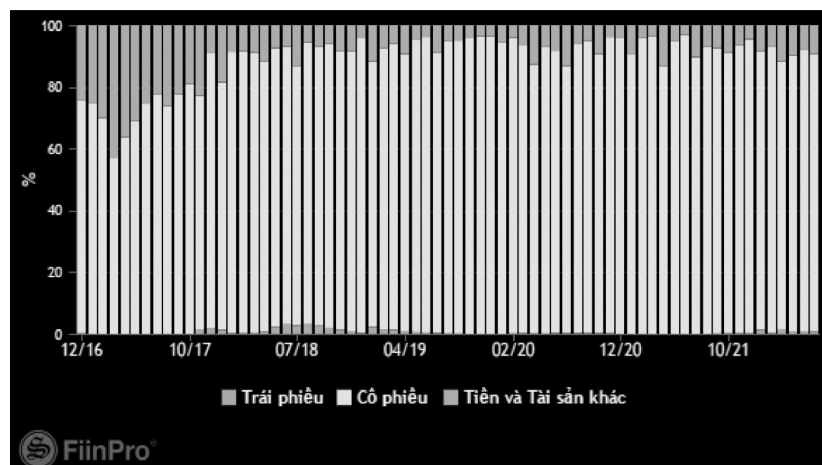
cổ phiếu, có thể thấy trong giai đoạn năm 2017 tới 6 tháng đầu năm 2022, các QĐT cổ phiếu luôn tập trung phần lớn tỷ trọng, khoảng xấp xỉ 80% tới trên 90% giá trị tài sản vào đầu tư cổ phiếu. Còn lại chủ yếu để dưới dạng tiền mặt, hoặc trong giai đoạn 2017 - 2019, một bộ phận QĐT có đa dạng hóa danh mục đầu tư với trái phiếu. (Biểu đồ 1)

Trong khi đó, các QĐT trái phiếu, ngoại trừ giai đoạn 2018 - 2019, phần lớn các khoảng thời gian còn lại, chiến lược phân bổ tài sản chưa thể hiện rõ đặc thù QĐT trái phiếu - với phần lớn tài sản nên được đầu tư tập trung vào trái phiếu, thay vì để phần lớn tiền dưới dạng tiền mặt hoặc đầu tư cổ phiếu như thời điểm cuối năm 2021 (Biểu đồ 2). Phần lớn tài sản quỹ trái phiếu để dưới dạng tiền mặt (tiền gửi ngân hàng) tập trung chủ yếu ở giai đoạn xảy ra diễn biến phức tạp của dịch bệnh (đại dịch Covid-19). Điều này có thể giải thích cho phương án phân bổ tài sản an toàn của quỹ phản ánh chiến lược phân bổ tài sản của các QĐT được điều chỉnh linh hoạt theo bối cảnh kinh tế vĩ mô. Xong về dài hạn, việc để tiền mặt nhiều có thể giảm hiệu quả hoạt động của các quỹ này.

Tương tự như quỹ trái phiếu, quỹ cân bằng, nên đầu tư vào cả trái phiếu và cổ phiếu với tỷ lệ tương đối tương đồng, song thực tiễn Biểu đồ 3 cho thấy, quỹ cân bằng vẫn tập trung phân bổ tỷ trọng lớn tài sản vào cổ phiếu, và theo sau đó là tiền mặt. Tỷ lệ đầu tư trái phiếu chiếm giá trị nhỏ, thậm chí gần như không đáng kể ở những thời điểm của năm 2016 tới nửa đầu năm 2018.

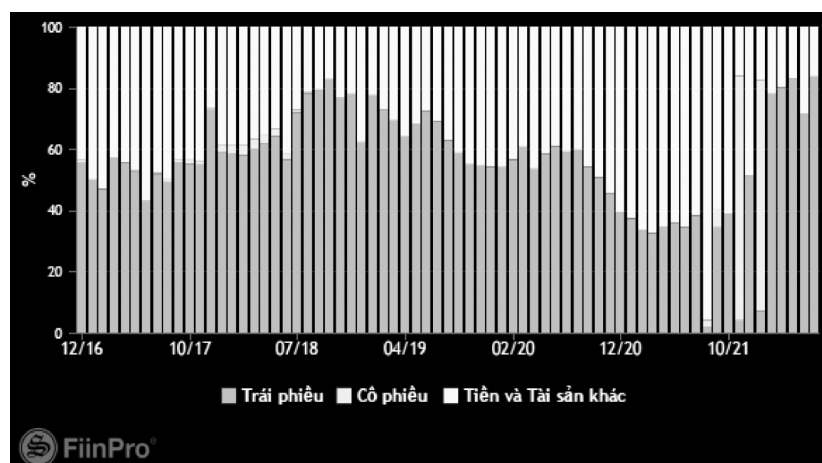
Thực tế này cho thấy, các

Biểu đồ 1: Chiến lược phân bổ tài sản tại các Quỹ cổ phiếu



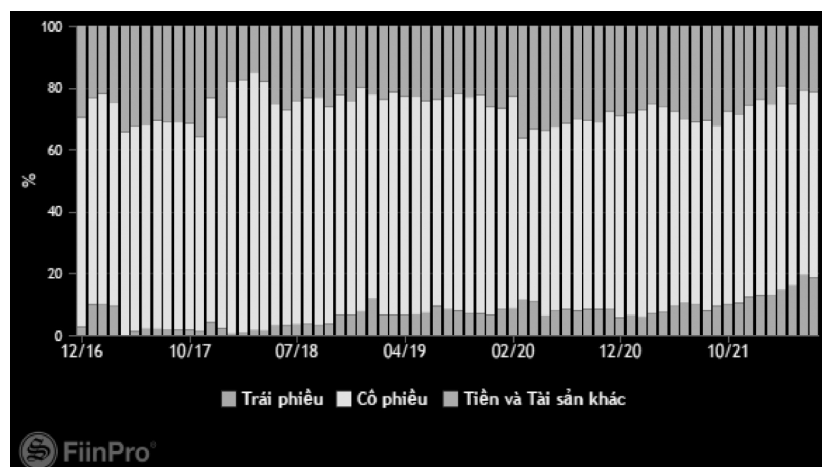
Nguồn: FiinPro (2022)

Biểu đồ 2: Chiến lược phân bổ tài sản tại các Quỹ trái phiếu



Nguồn: FiinPro (2022)

Biểu đồ 3: Chiến lược phân bổ tài sản tại các Quỹ cân bằng



Nguồn: FiinPro (2022)

QĐT cần phải xem xét, đánh giá lại tính phù hợp và hiệu quả của các chiến lược phân bổ tài sản, nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động cũng như mục tiêu hoạt động cam kết với nhà đầu tư tham gia

QĐT, thông qua đó nâng cao tính hấp dẫn của các QĐT nói riêng và ngành QLQ nói chung đối với công chúng NĐT và những NĐT tiềm năng trong tương lai ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quốc hội (2019). Luật Chứng khoán sửa đổi năm 2019.
2. Chính phủ (2020). *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định về quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán*.
3. Nguyễn Thanh Phương, Trần Thị Xuân Anh, Ngô Thị Hằng, Lê Quốc Tuấn (2020). *Tài liệu học tập Quản lý quỹ* Học viện Ngân hàng.
4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (2022). Quỹ đầu tư chứng khoán, truy cập tại http://www.ssc.gov.vn/ubck/faces/vi/vimenu/vipages_vicsdlcty/ctyquydautuck?_afLoop=232871329746000&_afWindowMode=0&_afWindowId=null#%40%3F_afWindowId%3Dnull%26_afLoop%3D232871329746000%26_afWindowMode%3D0%26_adf.ctrl-state%3D477zsc7mr_21
5. FiinPro (2022). *Dữ liệu ngành Quỹ và Hồ sơ Quỹ*. Truy cập từ phần mềm cung cấp tại Trung tâm Thư viện Học viện Ngân hàng.

Ngày nhận bài: 10/7/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 26/7/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 16/8/2022

Thông tin tác giả:

NGUYỄN NGỌC LINH

Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội

EVALUATING THE ASSET SIZE AND THE PERFORMANCE OF INVESTMENT FUNDS IN VIETNAM'S STOCK MARKET

● NGUYEN NGOC LINH

Hanoi College of Industrial Economics

ABSTRACT:

Thanks to an increasingly completed legal framework for the establishment, management and operation of different types of investment funds in Vietnam, the number of investment funds has increased since the establishment of Vietnam's stock market. This paper is to evaluate the asset size and the performance of investment funds in Vietnam's stock market.

Keywords: investment funds, asset size, stock investment, stock market.